

TẦN SUẤT NHÂN GIÁP Ở NGƯỜI KIỂM TRA SỨC KHỎE TỔNG QUÁT TẠI BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP.HCM

Lê Hoàng Bảo¹, Hoàng Khánh Chi¹, Thái Thanh Trúc², Nguyễn Hữu Thịnh³, Trần Quang Nam¹

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Nhân giáp là một bệnh lý phổ biến trong cộng đồng, thường được phát hiện qua siêu âm tuyến giáp.

Mục tiêu: Đánh giá tần suất nhân giáp phát hiện qua siêu âm tuyến giáp trên người kiểm tra sức khỏe tổng quát.

Đối tượng - Phương pháp: Nghiên cứu cắt ngang mô tả được thực hiện dựa trên hồ sơ bệnh án điện tử của người kiểm tra sức khỏe tổng quát tại khoa Khám Sức khỏe theo yêu cầu, bệnh viện Đại học Y Dược TP.HCM từ tháng 07 đến tháng 12 năm 2019.

Kết quả: Tổng cộng có 16784 người (nữ 45,1%), tuổi trung bình là $40,4 \pm 12,7$. Tần suất người có nhân giáp là 48,4%. Đường kính trung bình của nhân giáp là $7,2 \pm 5,8$ mm, và 77,4% trường hợp nhân giáp có đường kính ≤ 10 mm.

Kết luận: Tần suất nhân giáp ở người kiểm tra sức khỏe tổng quát là 48,4%, đa số là nhân nhỏ < 10 mm.

Từ khóa: nhân giáp, siêu âm tuyến giáp, kiểm tra sức khỏe tổng quát

ABSTRACT

PREVALENCE OF THYROID NODULES IN HEALTH CHECKUP PEOPLE AT UNIVERSITY MEDICAL CENTER HOCHIMINH CITY

Le Hoang Bao, Hoang Khanh Chi, Thai Thanh Truc, Nguyen Huu Thinh, Tran Quang Nam

* Ho Chi Minh City Journal of Medicine * Vol. 25 - No. 2 - 2021: 256 - 259

Background: Thyroid nodule is a common disease in the community and often detected by ultrasound of the thyroid gland.

Objective: To evaluate the prevalence of thyroid nodules detected by ultrasound of the thyroid gland in health checkup people.

Methods: A retrospective, cross-sectional descriptive study was conducted based on electronic medical records of the health checkup people at the Health Checkup Department, University Medical Center at Ho Chi Minh City from July to December 2019.

Results: There was a total of 16784 people (45.1% female), mean age was 40.4 ± 12.7 . The prevalence of people with thyroid nodules was 48.4%. The mean diameter of nodules was 7.2 ± 5.8 mm, and percentage of thyroid nodules with diameter less than 10 mm was 77.4%.

Conclusions: The percentage of thyroid nodules in the general health checkup people is 48.4%, the majority of thyroid nodules had diameter less than 10 mm.

Keywords: thyroid nodules, thyroid ultrasound, general health checkup

ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhân giáp là bệnh lý thường gặp trong cộng đồng, có thể không triệu chứng hoặc gây triệu

chứng chèn ép như khó thở hoặc khó nuốt. Tần suất chẩn đoán nhân giáp, cũng như ung thư tuyến giáp, khá cao gần đây, đặc biệt là những nhân nhỏ và không có triệu chứng lâm sàng, có

¹Khoa Nội tiết, Bệnh viện Đại học Y Dược TP. HCM

Khoa Y tế Công cộng, Đại học Y Dược TP. HCM

³Khoa Khám Sức khỏe theo yêu cầu, Bệnh viện Đại học Y Dược TP. HCM

Tác giả liên lạc: BSK1. Lê Hoàng Bảo

ĐT: 0907 987 403

Email: bao.lh@umc.edu.vn

thể do kiểm tra sức khỏe tổng quát ngày càng được quan tâm⁽¹⁾, cũng như nhờ ứng dụng siêu âm tuyến giáp có độ phân giải cao⁽²⁾. Siêu âm tuyến giáp thường được dùng để phát hiện nhân giáp nhờ có độ nhạy cao, an toàn, không xâm lấn và chi phí hợp lý. Các nghiên cứu trên thế giới cho thấy tần suất nhân giáp phát hiện qua siêu âm trên dân số chung dao động từ 21,3% đến 68%^(2,3,4,5,6,7,8,9).

Tại Việt Nam, đến nay số liệu còn hạn chế về tỷ lệ mắc nhân giáp trong cộng đồng và những người kiểm tra sức khỏe tổng quát. Vì vậy chúng tôi tiến hành nghiên cứu trên người kiểm tra sức khỏe tổng quát được siêu âm tuyến giáp, với mục tiêu đánh giá tần suất nhân giáp ở các đối tượng này.

ĐỐI TƯỢNG-PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu

Tiêu chuẩn chọn mẫu: Tất cả những người đến kiểm tra sức khỏe tổng quát được chỉ định siêu âm tuyến giáp tại khoa Khám Sức khỏe theo yêu cầu, bệnh viện Đại học Y Dược TP. HCM từ tháng 07 đến tháng 12 năm 2019.

Tiêu chuẩn loại trừ

Thông tin về siêu âm tuyến giáp không đầy đủ.

Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu cắt ngang mô tả được thực hiện dựa trên hồi cứu bệnh án điện tử của tất cả người kiểm tra sức khỏe tổng quát có siêu âm tuyến giáp tại khoa Khám Sức khỏe theo yêu cầu, bệnh viện Đại học Y Dược TP. HCM từ tháng 07 đến tháng 12 năm 2019.

Cỡ mẫu

Theo thống kê của bệnh viện thì trong khoảng thời gian hồi cứu có 16784 người thỏa tiêu chí chọn mẫu. Để đảm bảo tính chính xác, chúng tôi chọn mẫu toàn bộ 16784 người.

Các bước tiến hành

Nghiên cứu viên dựa theo hồ sơ bệnh án điện tử để thu thập thông tin nghiên cứu, bao gồm thông tin chung (họ tên, số hồ sơ, tuổi, giới

tính) và đặc điểm siêu âm tuyến giáp. Trong trường hợp được thực hiện siêu âm tuyến giáp nhiều lần, dữ liệu siêu âm tuyến giáp lần đầu tiên sẽ được dùng để phân tích.

Nghiên cứu viên tiến hành phân tích số liệu.

Nghiên cứu viên viết báo cáo.

Công cụ thu thập số liệu

Thu thập số liệu theo bệnh án nghiên cứu đã soạn sẵn.

Biến số nghiên cứu

Biến số định tính

Giới tính: Biến phân loại (Nam hoặc nữ), trình bày bằng tần số và tỷ lệ %.

Sự hiện diện nhân giáp: Biến phân loại (Có hoặc không), trình bày bằng tần số và tỷ lệ %. Áp dụng kỹ thuật siêu âm tuyến giáp với độ phân giải cao bằng máy siêu âm thể hệ mới HS 40 của hãng Samsung với đầu dò tần số 12MHz.

Biến số định lượng

Tuổi: Biến liên tục (2019 trừ năm sinh), trình bày bằng trung bình ± độ lệch chuẩn.

Đường kính nhân giáp: Biến liên tục (kích thước nhân lớn nhất trên siêu âm), trình bày bằng trung bình ± độ lệch chuẩn.

Phương pháp thống kê

Số liệu thống kê được xử lý bằng phần mềm Stata 16.0. Biến số định tính được trình bày bằng tần số và tỷ lệ phần trăm. Biến số định lượng được trình bày bằng trung bình ± độ lệch chuẩn.

Y đức

Nghiên cứu đã được sự chấp thuận của Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Bệnh viện Đại học Y Dược TP. HCM số 52/GCN-HĐĐĐ ngày 12/11/2020.

KẾT QUẢ

Tổng cộng có 16784 người (nam:nữ, 9218:7566) được thực hiện siêu âm tuyến giáp khi kiểm tra sức khỏe tổng quát được chọn vào nghiên cứu. Tuổi trung bình của đối tượng nghiên cứu là $40,4 \pm 12,7$ (Bảng 1). Nhân giáp được phát hiện ở 8128 người (48,4%), trong đó

tần suất ở nam là 42,9% (3950/9218) và ở nữ là 55,2% (4178/7566) (Bảng 2). Đa số nhân giáp có đường kính < 10 mm (Bảng 3).

Bảng 1: Đặc điểm cơ bản

Đặc điểm	Tần số	Tỉ lệ %
Giới (n = 16784)		
Nam	9218	54,9
Nữ	7566	45,1
Tuổi (năm) (n = 16784)		
Trung bình (Độ lệch chuẩn)	40,4	12,7

Bảng 2: Tỷ lệ nhân giáp

Đặc điểm	Tần số	Tỉ lệ %
Nhân giáp		
Có	8128	48,4
Không	8656	51,6
Tổng	16784	100,0

Bảng 3: Đường kính nhân giáp trên siêu âm

Đặc điểm	Giới		
	Tổng (N=8128)	Nam (N=3950)	Nữ (N=4178)
Đường kính nhân giáp, mm (trung bình ± độ lệch chuẩn)	7,2 ± 5,8	6,7 ± 5,4	7,7 ± 6,2
Tỷ lệ % nhân giáp, phân loại theo đường kính nhân giáp, % (n)			
% nhân <5 mm	41,0 (3330)	44,3 (1750)	37,8 (1580)
% nhân 5-9 mm	36,4 (2960)	36,2 (1431)	36,6 (1529)
% nhân 10-14 mm	13,2 (1072)	11,8 (466)	14,5 (606)
% nhân 15-19 mm	5,0 (405)	4,1 (162)	5,8 (243)
% nhân ≥20 mm	4,4 (360)	3,6 (141)	5,2 (219)

BÀN LUẬN

Sự phát triển của siêu âm đầu dò độ phân giải cao giúp phát hiện các nhân giáp kích thước nhỏ khó khám trên lâm sàng. Nghiên cứu của chúng tôi khảo sát trên 16784 người khám sức khỏe tổng quát, ghi nhận 48,4% có nhân giáp. Các nghiên cứu trên thế giới cho tỷ lệ nhân giáp phát hiện qua siêu âm rất khác biệt. Một nghiên cứu trên 72319 người khám tổng quát tại Hàn Quốc cho thấy tỷ lệ nhân giáp là 34,2%⁽²⁾. Theo nghiên cứu MELEN tại Thổ Nhĩ Kỳ, siêu âm tuyến giáp bởi các bác sĩ có kinh nghiệm chẩn đoán tỷ lệ nhân giáp là 56,6%⁽³⁾. Nghiên cứu của Bartolotta TV tại Italia nhận thấy tỷ lệ nhân giáp phát hiện qua siêu âm là 33,1%⁽⁴⁾. Trong nghiên cứu SPECT-China ở Trung Quốc, tỷ lệ nhân giáp

là 50,2%⁽⁵⁾. Nghiên cứu của Guth S tại Đức cho thấy tỷ lệ nhân giáp phát hiện qua siêu âm đầu dò độ phân giải cao (13 MHz) là 68%⁽⁶⁾. Theo nghiên cứu của Moifo B ở vùng hạ Sahara, siêu âm để khảo sát nhân giáp không sờ thấy trên lâm sàng phát hiện 28,3% người trưởng thành có nhân giáp⁽⁷⁾. Một nghiên cứu cắt ngang tại Hy Lạp nhận thấy tỷ lệ nhân giáp ở người khỏe mạnh là 54,9%⁽⁸⁾. Theo Al-Shayeb M trong nghiên cứu hồi cứu ở UAE, tỷ lệ nhân giáp phát hiện qua siêu âm là 21,3%⁽⁹⁾. Sự khác biệt về tỷ lệ nhân giáp giữa các nghiên cứu có thể do nhiều yếu tố bao gồm phương pháp tầm soát, giới tính, tuổi, khẩu phần iod và tiền căn tiếp xúc tia xạ⁽¹⁰⁾. So với kết quả của những nghiên cứu trên, tần suất nhân giáp trong nghiên cứu của chúng tôi tương đối cao. Đối tượng kiểm tra sức khỏe tổng quát đa số là người khỏe mạnh, không triệu chứng, vì thế phần nào phản ánh tần suất mắc bệnh trong cộng đồng. Kết quả này cho thấy nhân giáp là tình trạng rất phổ biến, cần được quan tâm khi kiểm tra sức khỏe tổng quát.

Đường kính nhân giáp là một trong những yếu tố cần cân nhắc khi chỉ định FNA theo ATA 2015⁽¹¹⁾. Theo nghiên cứu của chúng tôi, đường kính trung bình của nhân giáp là 7,2 ± 5,8 mm (nhân giáp ở nữ có xu hướng to hơn nam: 7,7 ± 6,2 mm so với 6,7 ± 5,4 mm). Khi phân tích phân nhóm, chúng tôi nhận thấy nhân càng lớn thì tỷ lệ càng ít: < 5 mm (41,0%), 5-9 mm (36,4%), 10-14 mm (13,2%), 15-19 mm (5,0%), ≥ 20 mm (4,4%). Như vậy hơn ¾ các nhân giáp có đường kính ≤ 10 mm. Các nghiên cứu trên người khám sức khỏe tổng quát đều cho thấy đa số nhân giáp có kích thước nhỏ. Nghiên cứu của Moon JH ở Hàn Quốc cho tỷ lệ nhân giáp có đường kính ≤10 mm chiếm 76,3%⁽²⁾. Trong nghiên cứu của Bartolotta TV, nhân giáp có đường kính <10 mm, 10-20 mm và >20 mm chiếm tỷ lệ lần lượt là 65,4%, 27,3% và 7,3%⁽⁴⁾. Theo nghiên cứu của Guth S, nhân giáp có đường kính <5 mm, 5-10 mm và >10 mm chiếm tỷ lệ lần lượt là 53%, 36% và 22% trong toàn bộ dân số (tuổi trung bình 56,7 ± 11,9) và 62%, 56% và 28% ở riêng nhóm dân số >60 tuổi⁽⁶⁾.

Trong nghiên cứu của Moifo B, nhân giáp có đường kính <5 mm, 5-9 mm và ≥10 mm chiếm tỷ lệ lần lượt là 37,8%, 40,3% và 22%⁽⁷⁾. Nghiên cứu của Al Shayeb M, tỷ lệ nhân giáp có đường kính <5 mm, 5-10 mm và >10 mm lần lượt là 31,3%, 40,6% và 28,1%⁽⁹⁾. Trong nghiên cứu của Kamran M, 57% nhân giáp có đường kính <10 mm⁽¹²⁾. Trong nghiên cứu của Liu Y, nhân giáp có đường kính <10 mm chiếm 76,9%⁽¹³⁾. Điều đó cho thấy những nhân giáp nhỏ, khó sờ thấy khi khám lâm sàng và chỉ phát hiện qua siêu âm là hiện tượng phổ biến ở người khỏe mạnh.

Nghiên cứu của chúng tôi có ưu điểm là thu thập dữ liệu từ một cỡ mẫu khá lớn, với gần 17.000 người kiểm tra sức khỏe tổng quát, nên phần nào phản ánh tần suất mắc bệnh trong cộng đồng. Tuy nhiên nghiên cứu vẫn còn một số nhược điểm: Thứ nhất, do là nghiên cứu hồi cứu nên chưa thu thập được các thông tin về tiền căn phẫu thuật tuyến giáp, tiền căn sử dụng thuốc và tình hình sử dụng iod của đối tượng khám sức khỏe. Thứ hai, chưa đánh giá được các đặc điểm nghi ngờ ác tính trên siêu âm, chưa khảo sát mối liên quan giữa các yếu tố lâm sàng và cận lâm sàng với sự xuất hiện nhân giáp. Vì vậy, cần thực hiện thêm nghiên cứu để đánh giá những vấn đề này.

KẾT LUẬN

Tần suất nhân giáp trên người kiểm tra sức khỏe tổng quát tại bệnh viện Đại học Y Dược TP. HCM trong thời gian 6 tháng năm 2019 là 48,4%. Đường kính trung bình của nhân giáp là 7,2 ± 5,8 mm, và 77,4% trường hợp nhân giáp có đường kính ≤10 mm không sờ thấy trên lâm sàng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Morris LG, Sikora AG, Tosteson TD, et al (2013). The increasing incidence of thyroid cancer: the influence of access to care. *Thyroid*, 23(7):885-891.

2. Moon JH, Hyun MK, Lee JY, et al (2018). Prevalence of thyroid nodules and their associated clinical parameters: a large-scale, multicenter-based health checkup study. *Korean J Intern Med*, 33(4):753-762.

3. Aydin Y, Besir FH, Erkan ME, et al (2014). Spectrum and prevalence of nodular thyroid diseases detected by ultrasonography in the Western Black Sea region of Turkey. *Med Ultrason*, 16(2):100-106.

4. Bartolotta TV, Midiri M, Runza G, et al (2006). Incidentally discovered thyroid nodules: incidence, and greyscale and colour Doppler pattern in an adult population screened by real-time compound spatial sonography. *Radiol Med*, 111(7):989-998.

5. Chen Y, Zhu C, Chen Y, et al (2018). The Association of Thyroid Nodules with Metabolic Status: A Cross-Sectional SPECT-China Study. *Int J Endocrinol*, 2018:6853617.

6. Guth S, Theune U, Aberle J, et al (2009). Very high prevalence of thyroid nodules detected by high frequency (13 MHz) ultrasound examination. *Eur J Clin Invest*, 39(8):699-706.

7. Moifo B, Moulion Tapouh JR, Dongmo Fomekong S, et al (2017). Ultrasonographic prevalence and characteristics of non-palpable thyroid incidentalomas in a hospital-based population in a sub-Saharan country. *BMC Med Imaging*, 17(1):21.

8. Panagiotou G, Komninou D, Anagnostis P, et al (2017). Association between lifestyle and anthropometric parameters and thyroid nodule features". *Endocrine*, 56(3):560-567.

9. Al Shayeb M, Varma SR, El Kaseh A, et al (2018). Incidental thyroid nodules an ultrasound screening of the neck region: prevalence & risk factors. *Clin. Pract*, 15(5):873-879.

10. Guo H, Sun M, He W, et al (2014). The prevalence of thyroid nodules and its relationship with metabolic parameters in a Chinese community-based population aged over 40 years. *Endocrine*, 45(2):230-235.

11. Haugen BR, Alexander EK, Bible KC, et al (2016). 2015 American Thyroid Association Management Guidelines for Adult Patients with Thyroid Nodules and Differentiated Thyroid Cancer: The American Thyroid Association Guidelines Task Force on Thyroid Nodules and Differentiated Thyroid Cancer. *Thyroid*, 26(1):1-133.

12. Kamran M, Hassan N, Ali M, et al (2014). Frequency of thyroid incidentalomas in Karachi population. *Pak J Med Sci*, 30(4):793-797.

13. Liu Y, Lin Z, Sheng C, et al (2017). The prevalence of thyroid nodules in northwest China and its correlation with metabolic parameters and uric acid. *Oncotarget*, 8(25):41555-41562.

Ngày nhận bài báo: 13/11/2020

Ngày nhận phản biện nhận xét bài báo: 01/02/2021

Ngày bài báo được đăng: 10/03/2021